TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2019/HNGĐ - ST
Ngày 19 - 6 - 2019
V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tòa án nhân dân huyện CN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

Ông **Bùi Hữu Khánh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện CN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 1989 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp ST, xã TP, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Trần Văn E**, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp ST, xã TP, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2019 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn E kết hôn vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện CN, tỉnh CM. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải nhau, mâu thuẫn kéo dài, anh Trần Văn E không lo làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, sự việc không được tháo gỡ và kéo dài, từ đó mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng gay gắt và trầm trọng hơn. Nay chị xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa nên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn E.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn E có 01 người con chung là Trần Trọng Kh, sinh ngày 03/4/2013 hiện nay đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Trần Văn E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xã định và anh Trần Văn E không có tài sản chung và cũng không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Văn E kể từ khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Trần Văn E vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó Tòa án nhân dân huyện CN không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện CN căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập anh Trần Văn E hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh Trần Văn E vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có bất cứ văn bản nào có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Nguyễn Thị Cẩm T và anh Trần Văn E là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Trần Văn E có địa chỉ tại xã TP, huyện CN, tỉnh CM. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Trần Văn E kết hôn kết hôn vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện CN, tỉnh CM. Nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, anh E đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân huyện CN không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện CN căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập anh E hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh E vẫn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án nhân dân huyện CN căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh E.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Trần Văn E phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên

cải vả nhau, từ đó vợ chồng sống ly thân với nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn E không có ý kiến gì đối với việc chị Nguyễn Thị Cẩm T xin ly hôn, nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Trần Văn E đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Trần Văn E.

Về con chung: Nguyễn Thị Cẩm T và anh Trần Văn E có 01 người con chung là Trần Trọng Kh, sinh ngày 03/4/2013, hiện nay đang sống với Nguyễn Thị Cẩm T. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Trần Văn E phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy kể từ khi thụ lý vụ án. Mặc dù anh Trần Văn E đã được thông báo về việc thụ lý vụ án và được triệu tập để tham gia tố tụng tại Tòa án hợp lệ, nhưng anh Trần Văn E không có ý kiến gì về việc chị Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung của chị Tú. Điều này cho thấy anh Trần Văn E không có nhu cầu nuôi con chung là cháu Trần Trọng Kh, sinh ngày 03/4/2013, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tú về việc được nuôi con sau khi ly hôn. Giao cháu Trần Trọng Kh, sinh ngày 03/4/2013 cho chị Tú tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Anh Trần Văn E không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyễn Thị Cẩm T xác định và anh Trần Văn E không có tài sản chung và cũng không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này Nguyễn Thị Cẩm T và anh Trần Văn E có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì Nguyễn Thị Cẩm T và anh Trần Văn E đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Nguyễn Thị Cẩm T phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận cho Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Trần Văn E.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Trọng Kh, sinh ngày 03/4/2013 cho Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Anh Trần Văn E không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005190 ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
-UBND xã Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Khiết